

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách về đất đai
đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 25**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính
sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh
Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc
thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số, cá nhân là người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; tổ chức được giao trách nhiệm quản lý quỹ đất tại địa phương.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

3. Đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 3. Đất để thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai

1. Đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ:

a) Quỹ đất theo quy định khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai.

b) Quỹ đất nông nghiệp sau khi rà soát, thu hồi diện tích đất không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, giao khoán, cho thuê, cho mượn trái pháp luật, bị lấn, bị chiếm để giao, cho thuê đối với tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Luật Đất đai.

c) Quỹ đất do các công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng sau khi rà soát, thu hồi phần diện tích đất giữ lại của các công ty nông, lâm nghiệp theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt nhưng không trực tiếp sử dụng mà cho thuê, cho mượn, giao khoán hoặc khoán trắng cho người khác sử dụng trái pháp luật theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai.

d) Diện tích đất đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp cá nhân là người dân tộc thiểu số được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật Đất đai chuyển khỏi địa bàn cấp tỉnh nơi có đất đến nơi khác sinh sống hoặc không có nhu cầu sử dụng mà không tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người thuộc hàng thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Đất đai.

2. Để bảo đảm quỹ đất thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, trong nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phải xác định chỉ tiêu các loại đất đảm bảo chính sách đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai, dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 67 Luật Đất đai.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ về đất đai

1. Hỗ trợ trực tiếp đến cá nhân là người dân tộc thiểu số.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số được miễn, giảm tiền sử dụng đất phải có nơi thường trú tại địa phương nơi có đất được giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Việc xác định cá nhân là người dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thực hiện theo quy định hoặc quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; các cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đúng mục đích.

Điều 5. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào quỹ đất hiện có của địa phương và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt thực hiện rà soát, đề xuất bố trí các điểm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số. Vị trí điểm đất sinh hoạt cộng đồng đề xuất phải phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 6. Chính sách về đất đai để đảm bảo ổn định đời sống đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số

1. Giao đất ở không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai.

Trình tự, thủ tục giao đất được thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ về đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo

1. Hỗ trợ đất đai lần đầu đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trên địa bàn tỉnh để bảo đảm ổn định cuộc sống được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai.

2. Hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất lần đầu theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất (đất ở, đất nông nghiệp) hoặc thiếu đất (đất ở, đất nông nghiệp) so với hạn mức giao đất mà thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Các cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều này không được chuyển nhượng, góp vốn, tặng cho, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Luật Đất đai.

Điều 8. Kinh phí thực hiện chính sách về đất đai

Nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp tỉnh không tự cân đối được ngân sách, giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Tuất